

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ sửa đổi năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ cao năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/BCĐTW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 02/02/2026 về Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về quy định chính sách khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 07-QĐ/BCĐ của Ban Chỉ đạo ngày 07/03/2026 về ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1077/TTr-SKH&CN ngày 18/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030 (*Phụ lục kèm theo*).

Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển nhằm định hướng hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và nâng cao giá trị gia tăng cho các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức, triển khai thực hiện Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển xây dựng kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực quản lý.

3. Các hợp tác xã và đề nghị các doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu - đào tạo, các tổ chức liên quan: Chủ động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; tham gia các chương trình đổi mới công nghệ và phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần thiết điều chỉnh, bổ sung Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX(vttoan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục

DANH MỤC CÔNG NGHỆ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

| STT | Lĩnh vực | Công nghệ | Mục tiêu, Định hướng ứng dụng | Đối tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ | Hình thức hợp tác, chuyển giao và làm chủ công nghệ |
|---|---|---|--|--|---|
| I. NÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ NGÀNH HÀNG CHỦ LỰC | | | | | |
| 1 | Giống cây trồng, vật nuôi | Công nghệ chọn tạo giống chất lượng cao (lúa, xoài, sen, thủy sản, sàu riêng,...) | Phát triển giống thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao năng suất và chất lượng | Các viện nghiên cứu chuyên ngành nông nghiệp; các trường đại học; doanh nghiệp giống cây trồng, vật nuôi | Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ giống, xây dựng mô hình sản xuất và đào tạo kỹ thuật |
| 2 | Công nghệ thiết kế, chế tạo máy nông nghiệp tiên tiến: máy canh tác, chăm sóc, thu hoạch và sau thu hoạch thế hệ mới; hệ thống thiết bị chế biến và bảo quản thực phẩm có quy mô công nghiệp; Công nghệ nông nghiệp chính xác (Precision agriculture) | Công nghệ nông nghiệp thông minh (IoT, cảm biến, tự động hóa) | Giám sát môi trường sản xuất và tối ưu hóa quy trình canh tác: + Drone nông nghiệp + Cảm biến đất + Bản đồ dinh dưỡng đất | Các trường đại học kỹ thuật, nông nghiệp; các viện nghiên cứu; doanh nghiệp công nghệ nông nghiệp | Hợp tác thử nghiệm, chuyển giao hệ thống thiết bị và đào tạo vận hành |
| 3 | Công nghệ sinh học | Sản xuất chế phẩm sinh học, phân bón sinh học, thuốc BVTV sinh học | Phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững | Các viện nghiên cứu công nghệ sinh học; các trường đại học; doanh nghiệp công nghệ sinh học | Chuyển giao quy trình sản xuất, xây dựng cơ sở sản xuất và thương mại hóa sản phẩm |

| STT | Lĩnh vực | Công nghệ | Mục tiêu, Định hướng ứng dụng | Đối tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ | Hình thức hợp tác, chuyển giao và làm chủ công nghệ |
|-----|-----------------------|--|---|--|---|
| 4 | Quản lý dịch bệnh | Công nghệ chẩn đoán và kiểm soát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản | Nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh | Các viện nghiên cứu thú y, thủy sản; các trường đại học; đơn vị chuyên môn liên quan | Hợp tác nghiên cứu, chuyển giao quy trình xét nghiệm, cảnh báo dịch bệnh |
| 5 | Nông nghiệp tuần hoàn | Công nghệ tận dụng phụ phẩm nông nghiệp | Sản xuất phân hữu cơ, năng lượng sinh học | Các viện nghiên cứu môi trường, nông nghiệp; các trường đại học; doanh nghiệp xử lý phụ phẩm | Hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn |

II. CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN NÔNG SẢN

| | | | | | |
|---|------------------------|---|---------------------------------|--|---|
| 1 | Bảo quản sau thu hoạch | Công nghệ bảo quản nông sản | Giảm tổn thất sau thu hoạch | Các viện nghiên cứu sau thu hoạch; các trường đại học; doanh nghiệp công nghệ bảo quản | Chuyển giao thiết bị, quy trình bảo quản |
| 2 | Chế biến nông sản | Công nghệ chế biến sâu nông sản (gạo, xoài, sen, cá tra, sầu riêng,...) | Tăng giá trị gia tăng sản phẩm | Các viện nghiên cứu chế biến thực phẩm; các trường đại học; doanh nghiệp chế biến | Hợp tác nghiên cứu, chuyển giao dây chuyền chế biến |
| | | Công nghệ sấy, đông lạnh và đóng gói hiện đại | Bảo đảm chất lượng và xuất khẩu | Các viện nghiên cứu; các trường đại học; doanh nghiệp công nghệ chế biến và bảo quản | Chuyển giao dây chuyền chế biến và bảo quản |

| STT | Lĩnh vực | Công nghệ | Mục tiêu, Định hướng ứng dụng | Đối tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ | Hình thức hợp tác, chuyển giao và làm chủ công nghệ |
|--|---------------------|---|---|---|---|
| | | Công nghệ chiết xuất và sản xuất sản phẩm từ phụ phẩm nông nghiệp | Sản xuất thực phẩm chức năng, dược liệu, mỹ phẩm | Các viện nghiên cứu hóa học, công nghệ sinh học; các trường đại học; doanh nghiệp liên quan | Hợp tác nghiên cứu, thương mại hóa sản phẩm |
| | | Công nghệ chế biến sâu thủy sản (cá tra, nghêu,...) | Ứng dụng công nghệ chế biến sâu, công nghệ chiết xuất collagen, gelatin, dầu cá từ phụ phẩm; công nghệ cấp đông nhanh, sấy đông khô và đóng gói hiện đại phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu | Các viện nghiên cứu thủy sản; các trường đại học; doanh nghiệp chế biến thủy sản | Hợp tác nghiên cứu và chuyển giao dây chuyền chế biến |
| III. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ SẢN XUẤT | | | | | |
| 1 | Tự động hóa | Robot và tự động hóa trong sản xuất | Nâng cao năng suất | Các trường đại học kỹ thuật; các viện nghiên cứu; doanh nghiệp | Chuyển giao thiết bị, đào tạo kỹ thuật |
| 2 | Sản xuất thông minh | Công nghệ sản xuất thông minh (Smart Manufacturing) | Tối ưu hóa sản xuất | Các viện nghiên cứu; các trường đại học; doanh nghiệp công nghệ số | Tư vấn triển khai hệ thống sản xuất thông minh |

| STT | Lĩnh vực | Công nghệ | Mục tiêu, Định hướng ứng dụng | Đối tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ | Hình thức hợp tác, chuyển giao và làm chủ công nghệ |
|--|----------------------|----------------------------------|--------------------------------------|---|--|
| 3 | Vật liệu | Vật liệu thân thiện môi trường | Phát triển công nghiệp xanh | Các viện nghiên cứu vật liệu; các trường đại học; doanh nghiệp sản xuất vật liệu | Hợp tác nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới |
| 4 | Năng lượng | Công nghệ tiết kiệm năng lượng | Giảm chi phí sản xuất | Các viện nghiên cứu năng lượng; các trường đại học; doanh nghiệp công nghệ năng lượng | Tư vấn, chuyển giao công nghệ tiết kiệm năng lượng |
| IV. MÔI TRƯỜNG VÀ KINH TẾ TUẦN HOÀN | | | | | |
| 1 | Xử lý môi trường | Xử lý nước thải và chất thải rắn | Bảo vệ môi trường | Các viện nghiên cứu môi trường; các trường đại học; doanh nghiệp môi trường | Chuyển giao công nghệ xử lý và vận hành hệ thống |
| 2 | Tái chế | Tái chế phụ phẩm nông nghiệp | Sản xuất phân hữu cơ | Các viện nghiên cứu; các trường đại học; doanh nghiệp công nghệ môi trường | Hợp tác chuyển giao công nghệ |
| 3 | Quan trắc môi trường | Cảm biến và giám sát môi trường | Theo dõi chất lượng môi trường | Các viện nghiên cứu; các trường đại học; doanh nghiệp công nghệ số | Chuyển giao hệ thống quan trắc và dữ liệu |

| STT | Lĩnh vực | Công nghệ | Mục tiêu, Định hướng ứng dụng | Đối tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ | Hình thức hợp tác, chuyển giao và làm chủ công nghệ |
|---|----------------------|---|---|---|---|
| V. CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ DỮ LIỆU | | | | | |
| 1 | Chuyển đổi số | Công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) | Phân tích dữ liệu phục vụ quản lý và sản xuất | Các trường đại học công nghệ thông tin; các viện nghiên cứu; doanh nghiệp công nghệ số | Hợp tác phát triển nền tảng dữ liệu |
| | | Công nghệ nền tảng số và điện toán đám mây | Phát triển hạ tầng số và dịch vụ số | Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; các viện nghiên cứu; các trường đại học | Triển khai nền tảng số và đào tạo nhân lực |
| | | Công nghệ Internet vạn vật (IoT) | Ứng dụng trong nông nghiệp, môi trường, logistics | Các doanh nghiệp công nghệ; các viện nghiên cứu; các trường đại học | Chuyển giao thiết bị và hệ thống quản lý |
| VI. LOGISTICS VÀ THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN | | | | | |
| 1 | Logistics thông minh | Công nghệ quản lý chuỗi cung ứng và logistics thông minh | Nâng cao hiệu quả vận chuyển và lưu trữ | Các viện nghiên cứu logistics; các trường đại học; doanh nghiệp logistics | Hợp tác triển khai hệ thống quản lý chuỗi cung ứng |
| | | Công nghệ kho lạnh và logistics lạnh | Bảo quản nông sản, thủy sản | Các doanh nghiệp logistics; các viện nghiên cứu; các trường đại học; Doanh nghiệp logistics | Chuyển giao công nghệ kho lạnh |

| STT | Lĩnh vực | Công nghệ | Mục tiêu, Định hướng ứng dụng | Đối tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ | Hình thức hợp tác, chuyển giao và làm chủ công nghệ |
|-----|------------|---|---------------------------------------|--|---|
| 2 | Thương mại | Công nghệ thương mại điện tử và nền tảng giao dịch số | Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm | Các doanh nghiệp công nghệ số; các viện nghiên cứu; các trường đại học | Phát triển sàn giao dịch nông sản |
| | | Công nghệ thanh toán số và kinh tế số | Phát triển hệ sinh thái thương mại số | Các doanh nghiệp fintech; các viện nghiên cứu; các trường đại học | Hợp tác triển khai hệ thống thanh toán |